

KIỂM SOÁT VÀ CÂN BẰNG QUYỀN LỰC TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ Ở VIỆT NAM: HƯỚNG TỚI MỘT NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN THỰC CHẤT

Đào Trung Hiếu¹
Email: hieubaocand@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 09/01/2025

Ngày phản biện đánh giá: 17/07/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 25/07/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.602

Tóm tắt: Bài viết phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn kiểm soát quyền lực trong tổ tụng hình sự ở Việt Nam, đặt trong bối cảnh đối sánh với kinh nghiệm từ các hệ thống tư pháp tiên tiến như Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản và Thụy Điển. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất những giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện cơ chế kiểm soát và cân bằng quyền lực trong tổ tụng hình sự theo hướng đảm bảo quyền con người, ngăn ngừa oan sai, nâng cao hiệu lực kiểm tra - giám sát và xây dựng nền tư pháp dân chủ, chuyên nghiệp

Từ khóa: kiểm soát và cân bằng quyền lực, tổ tụng hình sự, cải cách tư pháp, quyền con người, Nhà nước pháp quyền

I. Đặt vấn đề

Kiểm soát quyền lực là yêu cầu tất yếu của Nhà nước pháp quyền nhằm bảo đảm công lý, ngăn ngừa lạm quyền và bảo vệ quyền con người. Trong tổ tụng hình sự (TTHS) - lĩnh vực mà quyền lực Nhà nước tác động trực tiếp đến tự do, tài sản và danh dự công dân - việc thiết lập cơ chế kiểm soát hiệu quả có ý nghĩa sống còn.

Thực tiễn cải cách tư pháp ở Việt Nam, cùng với những vụ án oan sai gây chấn động dư luận trong hai thập niên gần đây, đã phơi bày những lỗ hổng lớn trong thiết kế và vận hành quyền lực tư pháp.

Từ trải nghiệm thực tiễn nhiều năm trong lĩnh vực điều tra hình sự, tác giả nhận thấy ranh giới giữa thực thi pháp luật và lạm quyền là vô cùng mong manh nếu thiếu các cơ chế giám sát đa tầng và hiệu quả.

Bối cảnh này đặt ra những câu hỏi cấp thiết: Cơ chế kiểm soát quyền lực trong tổ tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay gồm những gì, hiệu quả ra sao? Những hạn chế nào đang tồn tại và hệ lụy của việc thiếu kiểm soát là gì? Có thể rút ra bài học gì từ kinh nghiệm của các mô hình tư pháp tiên tiến trên thế giới? Và đâu là các giải pháp khả thi phù hợp với điều kiện thể chế - pháp lý của Việt Nam? Trả lời những câu

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

hỏi trên là mục tiêu chính của bài viết này, nhằm đóng góp một góc nhìn học thuật và thực tiễn cho quá trình hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong hoạt động tố tụng hình sự - một trụ cột quan trọng trong tiến trình cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

II. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Vấn đề kiểm soát quyền lực trong tố tụng hình sự đã được quan tâm trong nhiều công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế. Nhìn chung, các công trình này thống nhất rằng quyền lực của cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) là loại quyền lực nhà nước có tính cưỡng chế đặc biệt, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản của con người, đặc biệt là quyền tự do thân thể, tài sản, danh dự và quyền được xét xử công bằng.

Tại Việt Nam, Báo cáo cải cách tư pháp của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương (2016) đã xác định rõ yêu cầu hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, nhằm phòng ngừa tình trạng oan sai và vi phạm thủ tục tố tụng.

Nghị quyết số 27 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2023) tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu “kiểm soát quyền lực hiệu quả giữa các cơ quan tư pháp để bảo đảm quyền con người” (Ban Chấp hành Trung ương, 2023).

Trong nghiên cứu của Nguyễn (2020), tác giả cho rằng sự giao thoa giữa quyền công tố và quyền kiểm sát điều tra đang dẫn đến tình trạng “vừa đá bóng vừa thổi còi”, làm suy giảm hiệu quả giám sát độc lập trong giai đoạn điều tra. Trong khi

đó, Nguyễn (2021) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc trao thêm vai trò kiểm soát cho luật sư và các thiết chế độc lập như hội đồng giám sát xét xử, nhằm tạo thế cân bằng giữa các bên trong tố tụng.

Về phía cơ quan tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2021) trong báo cáo tổng kết 5 năm công tác đã thừa nhận còn nhiều vi phạm trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử - đặc biệt là những sai phạm có thể dẫn đến oan sai. Trong hệ thống lý luận về cải cách tư pháp, Nguyễn (2014) đã chỉ ra rằng kiểm soát quyền lực nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực tư pháp, cần được thực hiện thông qua các cơ chế giám sát đa tầng: từ giám sát nội bộ giữa các cơ quan tư pháp, đến giám sát của Quốc hội, xã hội dân sự và báo chí.

Ở cấp độ quốc tế, nhiều nghiên cứu đã cung cấp nền tảng tham chiếu có giá trị. Ashworth (2010) nhấn mạnh rằng việc đảm bảo nguyên tắc tranh tụng là một trong những biện pháp hữu hiệu để kiểm soát quyền lực cơ quan tố tụng, vì khi các bên ngang bằng về quyền và nghĩa vụ, thì khả năng lạm quyền sẽ bị hạn chế. Báo cáo của Hội đồng châu Âu (CEPEJ, 2022) cũng đề cập đến việc thiết lập các thiết chế giám sát độc lập ngoài hệ thống tố tụng như tổ chức luật sư, thanh tra tư pháp, báo chí điều tra... nhằm đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tư pháp hình sự (Nguyễn, 2020).

Theo Báo cáo của Liên Hợp Quốc do UNODC (2017) công bố, các quốc gia đang phát triển được khuyến nghị thiết lập hệ thống kiểm soát quyền lực độc lập, đặc biệt là giữa cơ quan điều tra và công tố, để hạn chế tình trạng lạm quyền, bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự.

Về phương diện lý luận, Montesquieu (2004) đã từ rất sớm khẳng định: “Quyền

lực cần được kiểm soát bằng quyền lực”, nhấn mạnh nguyên tắc phân quyền và kiểm soát lẫn nhau giữa các nhánh quyền lực nhà nước.

Từ tổng quan trên có thể thấy, cơ chế kiểm soát quyền lực trong tổ tụng hình sự là một chủ đề được quan tâm rộng rãi trong nghiên cứu học thuật và thực tiễn xây dựng pháp luật. Tuy nhiên, tại Việt Nam, cơ chế này vẫn còn tồn tại nhiều khoảng trống, đặc biệt là sự thiếu vắng của những chủ thể giám sát độc lập, dẫn đến hiệu lực giám sát không cao và nguy cơ lạm quyền trong hoạt động tố tụng vẫn hiện hữu.

2.2. Cơ sở lý thuyết

Về phương diện lý thuyết, đề tài được xây dựng trên ba nền tảng chính:

Thứ nhất, học thuyết tam quyền phân lập do Montesquieu đề xướng, khẳng định rằng để phòng ngừa lạm quyền, quyền lực nhà nước cần được phân chia và giám sát lẫn nhau (Ashworth, 2010). Mặc dù Việt Nam không áp dụng mô hình phân quyền cứng, nhưng tư tưởng kiểm soát quyền lực đã được tiếp nhận và nội luật hóa trong các chủ trương cải cách tư pháp, nhất là từ Nghị quyết 49-NQ/TW năm 2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và các kế hoạch tiếp theo.

Thứ hai, lý thuyết tranh tụng và cân bằng quyền lực trong tổ tụng hình sự cho rằng hiệu quả kiểm soát quyền lực không chỉ đến từ sự giám sát bên ngoài, mà còn đến từ thể cân bằng nội tại giữa các bên tham gia tố tụng - gồm công tố, luật sư và tòa án.

Mô hình tranh tụng đã được áp dụng thành công tại nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, nơi vai trò của luật sư được tăng cường, các phiên tòa được tổ chức công khai, và nguyên tắc suy đoán vô tội được bảo đảm thực chất (Nguyễn, 2021; CEPEJ, 2022).

Thứ ba, lý thuyết về Nhà nước pháp quyền hiện đại nhấn mạnh rằng kiểm soát quyền lực không chỉ dừng lại ở các hình thức kiểm tra hành chính - nội ngành, mà còn là quá trình xã hội hóa trách nhiệm giải trình. Cụ thể, việc giám sát phải được thực hiện thông qua các thiết chế như Quốc hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, truyền thông đại chúng và công chúng. Lý thuyết này đặc biệt coi trọng tính minh bạch, trách nhiệm giải trình (accountability), cũng như các cơ chế phản biện và phản hồi từ xã hội như những công cụ ngăn ngừa lạm quyền hiệu quả (UNODC, 2017).

Tổng hòa lại, cơ sở lý thuyết của đề tài không chỉ nằm ở học thuyết chính trị - pháp lý kinh điển, mà còn được chiết xuất từ các nguyên tắc vận hành thực tiễn của một nền tư pháp hiện đại: phân quyền - đối trọng - minh bạch - trách nhiệm giải trình - độc lập. Những nguyên lý này sẽ là nền tảng cho việc đánh giá, phân tích và đề xuất giải pháp kiểm soát quyền lực hiệu quả trong tổ tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp các văn bản pháp luật, báo cáo của ngành tư pháp và một số án lệ điển hình. Phương pháp so sánh luật học được áp dụng để đối chiếu cơ chế kiểm soát quyền lực trong tổ tụng hình sự giữa Việt Nam và các quốc gia có hệ thống tư pháp tiên tiến như Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản và Thụy Điển.

Ngoài ra, bài viết cũng vận dụng phương pháp nghiên cứu tình huống qua phân tích một số vụ án oan sai điển hình, nhằm làm rõ khoảng trống trong cơ chế kiểm soát và cân bằng quyền lực trong thực tiễn (Viện kiểm sát nhân dân tối cao, 2021; Nguyễn, 2021).

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Cơ sở lý luận của việc kiểm soát và cân bằng quyền lực trong tổ tụng hình sự

Quyền lực trong TTTHS là thẩm quyền pháp lý do Nhà nước trao cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án để thực hiện các chức năng phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với người bị buộc tội. Quyền lực này mang tính cưỡng chế cao, tác động trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân như tự do thân thể, tài sản và danh dự. Vì vậy, kiểm soát quyền lực tố tụng là yêu cầu khách quan nhằm bảo đảm quyền con người không bị xâm phạm trái pháp luật.

Kiểm soát quyền lực không làm suy yếu quyền lực nhà nước mà ngược lại, góp phần hợp pháp hóa và chính đáng hóa việc thực thi quyền lực. Montesquieu đã chỉ ra rằng để ngăn ngừa lạm quyền, quyền lực phải được kiểm soát bằng quyền lực (Montesquieu, 2004). Trong TTTHS, điều này được thể hiện qua cơ chế giám sát chéo giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, cùng với thiết chế giám sát độc lập và phản biện xã hội.

Về phương diện pháp lý, Hiến pháp 2013 (Quốc hội, 2013) xác lập nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước, là nền tảng hiến định cho việc xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực trong tư pháp. Bộ luật TTTHS 2015 (Quốc hội, 2015) tiếp thu nhiều nguyên tắc tiên bộ như suy đoán vô tội, bảo đảm quyền bào chữa, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, phù hợp các chuẩn mực quốc tế về quyền con người và công lý hình sự.

4.2. Thực tiễn kiểm soát và cân bằng quyền lực trong tổ tụng hình sự ở Việt Nam

Những năm gần đây, Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong bảo đảm quyền con người trong TTTHS. Quyền luật sư được mở rộng, nguyên tắc suy đoán vô tội được luật hóa rõ ràng, việc ghi âm, ghi hình hỏi cung bị can trở thành bắt buộc trong nhiều trường hợp (Quốc hội, 2015).

Tuy nhiên, cơ chế kiểm soát quyền lực vẫn còn nhiều hạn chế. Chức năng công tố và kiểm sát điều tra chưa được phân định rạch ròi, dẫn tới nguy cơ bao biện cho sai phạm của cơ quan điều tra (Nguyễn, 2020). Quyền luật sư trên thực tế vẫn bị thu hẹp do rào cản thủ tục và khó khăn trong tiếp cận hồ sơ (Nguyễn, 2021). Cơ chế giám sát độc lập ngoài ngành nội chính chưa thực sự hiệu quả, phần lớn mang tính hình thức (Viện kiểm sát nhân dân tối cao, 2021).

Đặc biệt, hiện tượng hợp liên ngành để “định hướng án” khi chứng cứ chưa đầy đủ vẫn tồn tại, làm suy yếu nguyên tắc độc lập tố tụng và tạo áp lực thành tích.

Thực tiễn điều tra cho thấy, nhiều cuộc họp như vậy đã biến cơ chế kiểm soát chéo thành đồng thuận hành chính, dẫn tới nguy cơ “án bỏ túi”, bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội. Các vụ án oan nổi cộm như Nguyễn Thanh Chấn và Hàn Đức Long là minh chứng điển hình cho những lỗ hổng này, khi suy đoán chủ quan và áp lực điều tra thay thế việc đánh giá chứng cứ khách quan (Viện kiểm sát nhân dân tối cao, 2021; Nguyễn, 2021).

Trải nghiệm nghề nghiệp của tác giả cho thấy, nếu thiếu giám sát độc lập và trách nhiệm giải trình minh bạch, hành vi lệch chuẩn rất dễ được hợp thức hóa qua các bước tố tụng, làm xói mòn niềm tin của nhân dân vào công lý.

4.3. Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

Việc hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong tố tụng hình sự không chỉ là yêu cầu nội tại của pháp luật Việt Nam mà còn cần đặt trong tương quan so sánh với các nước có nền tư pháp tiên tiến, từ đó rút ra bài học phù hợp cho cải cách tư pháp trong nước.

Ở Hoa Kỳ và Vương quốc Anh (Montesquieu, 2004), mô hình tố tụng tranh tụng đề cao vai trò trung lập của Tòa án, trong khi công tố và luật sư là hai bên đối trọng ngang bằng về quyền năng tố tụng. Việc tranh tụng được tiến hành công khai, luật sư được tham gia từ rất sớm và tiếp cận đầy đủ chứng cứ, giúp cân bằng quyền lực và hạn chế lạm dụng. Cơ chế loại trừ chứng cứ thu thập trái pháp luật được áp dụng nghiêm ngặt, củng cố tính hợp pháp của thủ tục tố tụng.

Tại Đức, chức năng công tố và xét xử được phân định rõ ràng; Tòa án có quyền bác bỏ truy tố thiếu căn cứ (Ashworth, 2010). Hệ thống thanh tra tư pháp độc lập và giám sát xã hội phát triển mạnh, giúp giảm thiểu sai sót trong điều tra và truy tố.

Kinh nghiệm Nhật Bản (CEPEJ, 2022) cho thấy vai trò tích cực của luật sư và xã hội dân sự trong giám sát tố tụng. Luật sư có quyền kiến nghị vi phạm thủ tục, yêu cầu điều tra bổ sung và báo cáo các hành vi lạm quyền. Viện Giám sát tố tụng độc lập được lập ra để kiểm tra hoạt động tư pháp, bảo đảm tính khách quan và quyền con người.

Các nước Bắc Âu như Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch (Ashworth, 2010) bảo đảm kiểm soát quyền lực nhờ công khai tối đa quá trình xét xử, quyền tham dự của công chúng và báo chí, cùng sự giám sát từ các cơ quan nhân quyền và hội đồng tư

pháp độc lập, tạo áp lực duy trì minh bạch và công lý thực chất.

Từ các mô hình quốc tế có thể rút ra một số bài học cho Việt Nam: (i) phân định rõ chức năng điều tra, công tố và xét xử để tránh chồng chéo; (ii) tăng cường vai trò luật sư (Nguyễn, 2021) trong toàn bộ quá trình tố tụng; (iii) xây dựng thiết chế giám sát độc lập ngoài ngành nội chính; và (iv) nâng cao tính công khai, minh bạch, khuyến khích sự tham gia của xã hội để bảo đảm dân chủ và công bằng trong TTHS. Việc tiếp thu chọn lọc các kinh nghiệm này sẽ giúp Việt Nam củng cố nền tư pháp hiện đại, chuyên nghiệp, đặt con người làm trung tâm của mọi hoạt động tố tụng

4.4. Giải pháp hoàn thiện cơ chế kiểm soát và cân bằng quyền lực trong tố tụng hình sự ở Việt Nam

Từ cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế đã phân tích, có thể đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát và cân bằng quyền lực trong TTHS tại Việt Nam như sau:

Một là, hoàn thiện thể chế pháp lý: Cần tiếp tục sửa đổi các đạo luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Đặc biệt, nghiên cứu tách quyền công tố khỏi chức năng kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát nhân dân để tránh xung đột lợi ích, bảo đảm tính khách quan trong truy tố. Đồng thời, bổ sung quy định tăng quyền và vai trò luật sư (Nguyễn, 2021), nhất là ở giai đoạn tiền tố tụng - nơi nguy cơ xâm phạm quyền con người cao nhất.

Hai là, tổ chức và kỹ thuật: Cải cách mạnh mẽ quy trình làm việc của cơ quan tố tụng, áp dụng triệt để ghi âm, ghi hình hỏi cung, số hóa hồ sơ và quản lý dữ liệu tố tụng thống nhất. Tăng cường thanh tra

độc lập, kiểm tra định kỳ để phát hiện và xử lý kịp thời hành vi lạm quyền.

Ba là, nâng cao chất lượng nhân sự: Chú trọng đào tạo nghiệp vụ, đạo đức công vụ và ý thức về quyền con người cho điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán. Tuyển chọn, bổ nhiệm minh bạch và xử lý nghiêm cá nhân gây oan sai, bỏ lọt tội phạm nhằm khôi phục niềm tin công chúng.

Bốn là, phát huy giám sát xã hội: Trao quyền thực chất cho luật sư, báo chí và tổ chức nghề nghiệp tham gia kiểm soát hoạt động tố tụng. Nghiên cứu thành lập cơ quan giám sát tư pháp độc lập, trực thuộc Quốc hội, có quyền thanh tra toàn bộ quá trình điều tra - truy tố - xét xử, không để “vùng cấm” trong hoạt động tư pháp.

Năm là, về hoạt động hợp liên ngành: Cần luật hóa hoạt động này theo hướng minh bạch và ràng buộc trách nhiệm: quy định phạm vi, giới hạn nội dung, lập biên bản và lưu hồ sơ để thanh tra, luật sư có thể giám sát. Tăng quyền cho giám sát độc lập, quy định rõ trách nhiệm giải trình cá nhân và xử lý vi phạm khi nội dung hợp ảnh hưởng đến tính khách quan vụ án. Đồng thời, thay đổi nhận thức nội bộ, chấm dứt tư duy “án phải theo kết luận liên ngành”, đề cao chứng cứ và quyền con người.

Sáu là, nâng cao nhận thức cộng đồng: Truyền thông pháp lý cần thực chất hơn để người dân hiểu quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Khi xã hội có hiểu biết pháp luật đầy đủ, giám sát cộng đồng trở thành cơ chế hỗ trợ quan trọng, tăng tính minh bạch và hạn chế lạm quyền.

Tóm lại, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong TTHS đòi hỏi chiến lược đồng bộ: cải cách pháp luật, tổ chức, nhân sự và văn hóa pháp lý; phát huy vai

trò giám sát xã hội, thiết lập trách nhiệm giải trình và cơ quan giám sát độc lập. Chỉ khi đó, công lý hình sự mới thực sự vì nhân dân, phục vụ bảo vệ quyền con người và củng cố Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

V. Kết luận

Kiểm soát và cân bằng quyền lực trong tố tụng hình sự là yêu cầu cốt lõi để bảo đảm công lý, ngăn ngừa oan sai và củng cố nền tảng Nhà nước pháp quyền. Trong bối cảnh cải cách tư pháp theo Nghị quyết 27-NQ/TW, Việt Nam cần khẩn trương thiết lập một cơ chế kiểm soát vận hành hiệu quả, công khai và chịu trách nhiệm.

Bài viết đã phân tích cơ sở lý luận, thực trạng còn bất cập như sự chồng chéo chức năng công tố - kiểm sát, hạn chế vai trò luật sư và thiếu giám sát độc lập. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc phân định rõ chức năng, đề cao tranh tụng và tăng cường giám sát xã hội là nền tảng hiệu quả để kiểm soát quyền lực tư pháp. Từ đó, bài viết đề xuất các giải pháp: hoàn thiện pháp luật tố tụng, cải cách tổ chức tư pháp, nâng cao đạo đức nghề nghiệp và tăng cường giám sát từ xã hội. Chỉ khi quyền lực được đặt trong hệ thống giám sát đa tầng - bao gồm nội ngành, bên ngoài ngành và xã hội dân sự - thì mới hạn chế được nguy cơ tha hóa.

Kiểm soát và cân bằng quyền lực trong tố tụng hình sự cần được xác lập như một trụ cột của cải cách tư pháp. Việt Nam cần phân tách chức năng tư pháp - công tố rõ ràng, tăng quyền cho luật sư và tạo điều kiện cho người dân tham gia giám sát tư pháp, nhằm bảo vệ quyền con người và củng cố niềm tin vào Nhà nước pháp quyền.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ashworth, A. (2010). *Principles of Criminal Law* (7th ed.). Oxford: Oxford University Press.
- [2]. Ban Chấp hành Trung ương. (2005). *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
- [3]. Ban Chấp hành Trung ương. (2023). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.
- [4]. CEPEJ. (2022). *European judicial systems: Efficiency and quality of justice*. Strasbourg: Council of Europe.
- [5]. Japanese Federation of Bar Associations. (2021). *White Paper on Criminal Justice Reform in Japan*. Tokyo: JFBA.
- [6]. Montesquieu, C. L. (2004). *Tinh thần pháp luật* (Nguyễn Văn Đại, Dịch.). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1748)
- [7]. Nguyễn, Đ. Q. (2014). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về cải cách tư pháp ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- [8]. Nguyễn, N. H. (2021). Tăng cường vai trò luật sư trong kiểm soát quyền lực tư pháp ở Việt Nam. *Tạp chí Luật học*, (4), 43 - 50.
- [9]. Nguyễn, V. C. (2020). Phân biệt chức năng công tố và kiểm sát điều tra - Yêu cầu đặt ra trong cải cách tư pháp. *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (23), 15 - 23.
- [10]. Quốc hội. (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- [11]. Quốc hội. (2015). *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- [12]. UNODC. (2017). *The Role of Prosecutors in Criminal Justice Systems*. Vienna: United Nations Office on Drugs and Crime.
- [13]. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. (2021). *Báo cáo tổng kết 5 năm công tác kiểm sát điều tra, truy tố, xét xử (2016-2021)*. Tài liệu lưu hành nội bộ.

CHECKS AND BALANCES OF POWER IN VIETNAM'S CRIMINAL PROCEDURE: TOWARDS A SUBSTANTIVE RULE OF LAW

Dao Trung Hieu²

Abstract: *This paper analyzes the theoretical foundation and practical application of power control mechanisms in Vietnam's criminal procedure, drawing comparative insights from advanced judicial systems, including those in the United States, Germany, Japan, and Sweden. Based on these insights, the author proposes feasible solutions to strengthen the checks and balances within the criminal justice system, ensuring the protection of human rights, preventing miscarriages of justice, enhancing the effectiveness of oversight, and fostering a democratic and professional judiciary.*

Keywords: *power control, criminal procedure, judicial reform, human rights, rule of law*

² Hanoi Open University